

Trung Giang Ký Sự – kỳ 38

Hành Vân

Tìm hiểu đến đây chúng ta đã thấy Ni giới Giáo đoàn IV là do ba đoàn Ni giới Khất sĩ Ngân Liên, Trí Liên và Cung Liên sáp nhập về. Đồng thời Ni giới Giáo đoàn IV còn có sự hiện diện của bốn Ni trưởng đệ tử Tổ sư Minh Đăng Quang là các vị Văn Liên và Phổ Liên, Hưng Liên, Hà Liên, cùng với nhánh của trưởng lão Huệ Thế ở Thốt Nốt và nhóm chư Ni đệ tử hòa thượng Giác Ngộ ở Đà Lạt (*đã phần đã qua Mỹ*). Phần này sẽ được tìm hiểu tiếp như sau:

Ni trưởng Văn Liên thế danh Trương Thị Phải và Ni trưởng Phổ Liên thế danh Trương Thị Huệ. Hai Ni trưởng sinh quán bên Tàu, trú quán ở Phú Lâm, Chợ Lớn. Năm 1950 hai vị đã xuất gia học đạo với ngài Minh Đăng Quang, pháp danh là Tịnh An và Tịnh Nhơn. Đến khi hai vị được thọ y bát Sa-di Ni, pháp danh đổi là Liên Văn và Liên Phổ; khi thọ giới Tỳ-kheo Ni, pháp danh đổi là Văn Liên và Phổ Liên. Khoảng sau khi Tổ vắng bóng, sư cô Phổ Liên mỗ thận ở bệnh viện Chợ Rẫy, người rất yếu, nên trong chúng nghĩ là sư cô bị lao, ngại tiếp xúc với cô. Lúc đó sư cô Trí Liên muốn đi tu tịnh, nên có nhã ý rủ sư cô Văn Liên đi cùng. Sẵn dịp đó, hai mẹ con sư cô Văn Liên, Phổ Liên và cháu ngoại là Tịnh Nguyệt (*sau sư cô Trí đổi lại là Tiểu Hường*) đi theo sư cô Trí Liên lên Tây Ninh. Đến nơi, sư cô Trí Liên được vị thầy trên núi Bà Đen cho miếng đất dưới chân núi để cất tịnh xá ở tu, lập ra Tịnh xá Ngọc Truyền. Năm đó ông Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống miền Nam Việt, nước đổi tên là Việt Nam Cộng Hòa, tình hình nhiều nơi căng thẳng do có những nhóm chống đối hoạt động mạnh. Tại Tây Ninh, vùng núi Bà Đen trở thành một trong những chiến trường...



Các sư cô Văn Liên, Phổ Liên và Ni cô Liên Hường đang đi trên đại lộ Minh Mạng.
(Cánh tay trái co lại kẹp vật y trái, đồng thời bàn tay trái nắm lấy chéo y phải, đầu hơi khom, mắt nhìn xuống, chân bước đều.)

Đến khi sư cô Trí Liên về Tân Hiệp kiếm đất cất tịnh xá vào năm 1961, Ngọc Truyền do các sư cô Văn, Phổ và Tiểu Hường cùng đệ tử của sư cô Trí là

Liên Tài ở. Do tình hình chiến tranh căng thẳng hơn nên chư Ni không ở Ngọc Truyền được, chuyển ra thị xã ở tạm kế bên chỗ hai thầy trò sư cô Kính Liên và Tiến Liên.

Từ đó tịnh xá trong núi trở thành miếng rẫy, các sư cô mỗi sớm vào trồng trọt, tới khoảng 9 giờ lo ra thị xã nghỉ, kéo pháo của quân đội nhà nước bắn trúng. Bây giờ tịnh xá trong núi trồng nhiều mít và xoài, trái rất sai, mấy chú Việt Cộng thường hái giúp, loại bán được thì để trong chiếu cho mấy sư cô kêu xe ba gác chở về, còn lại mấy chú dùng. Sau đó bà chủ đất (*người Tàu*) hiến cho sư cô Văn Liên miếng đất sư cô đang ở, lập ra tịnh xá vào năm 1973, đặt tên là Ngọc Truyền để kỷ niệm tịnh xá cũ. Sau Giải phóng hai năm sư cô Hương Liên (*Tiểu Hương ngày trước*) lại vào tịnh xá trong núi cất cốc ở. Năm 1980 nhà nước quy hoạch vùng chân núi Bà Đen thành khu du lịch, thu hồi cả miếng đất Tịnh xá Ngọc Truyền cũ. Đến năm 1985 chư Ni cố gắng xin lại tịnh xá cũ trong núi. Khi đã xin lại được vào năm 2001, sư cô Phụng Liên đệ tử của Ni sư Hương Liên đã đứng ra khởi công xây lại tịnh xá trong chân núi Bà Đen, vẫn giữ tên là Tịnh xá Ngọc Truyền, thành ra có hai tịnh xá Ngọc Truyền ở thành phố Tây Ninh. Tuy Ngọc Truyền trong núi là đầu tiên, nhưng đã bị gián đoạn hơn 40 năm, và sư cô Phụng Liên nghĩ mình nhỏ, còn các Ni trưởng ở ngoài thành phố là lớn, nên gọi tịnh xá trong núi là Ngọc Truyền II, ngoài kia là Ngọc Truyền I. (*Còn người ở địa phương sẽ hiểu là Ngọc Truyền – núi Bà và Ngọc Truyền – phường 1.*)



Tịnh xá Ngọc Truyền tại phường 1 thành phố Tây Ninh, kế bên là Tịnh xá Kỳ Hoàn.

Từ khi lên Tây Ninh vào năm 1956 đến nay, nhóm Ni trưởng Văn Liên đã gắn bó luôn với miền đất này, có công lao thành lập và gìn giữ được hai ngôi tịnh xá cho Đạo Phật Khất Sĩ. Năm 1987 Ni trưởng Văn Liên mãn duyên, thọ 83 tuổi. Khi sanh tiền Ni trưởng Văn Liên gắn bó thân thiết với đoàn Ni trưởng Trí Liên trong tình đồng môn pháp lữ, cùng theo về sinh hoạt với Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam, trực thuộc Giáo đoàn IV. Khi Ni trưởng ra đi rồi, dần dần các vị sau

không về giáo đoàn nữa. Ngày nay, Tịnh xá Ngọc Truyền – phường 1 hoạt động tương đối yếu, còn Tịnh xá Ngọc Truyền – núi Bà hoạt động mạnh hơn, thường tổ chức đãi cơm chay từ thiện, mở các khóa tu học theo chánh pháp... và có nhiều du khách viếng thăm chốn danh lam thắng cảnh này. Suốt hơn ba năm qua, vào mùng 5 hàng tháng, sư cô Phụng Liên đều tổ chức tu một ngày an lạc cho Phật tử Tây Ninh, số người tham dự có trên dưới 100 vị.



Tịnh xá Ngọc Truyền – núi Bà,
tọa lạc ngay trong bên trái cổng vào Khu du lịch Núi Bà – Tây Ninh.

Vì Ni trưởng Hường Liên bị nặng tai, không làm việc qua điện thoại được, và cũng vì cần cập nhật mấy hình ảnh Ngọc Truyền, nên khi viết xong phần này rồi tôi vẫn phải lên Tây Ninh thêm một lần nữa. Hôm đó nhằm ngày Ngọc Truyền – núi Bà mở khóa tu một ngày an lạc cuối năm, đồng thời làm tất niên luôn. Tôi đến lúc trưa, mọi người đang thọ trai. Cô Liên Vân mời tôi dùng cơm rồi qua phòng nghỉ. Khoảng một tiếng sau chợt có một bà cụ mặc đồ tập sự và một cô Phật tử trẻ đẩy cửa đi vào, tôi hỏi mới biết bà cụ pháp danh là Hường Liên, liền vội xuống giường mời bà ngồi lên ghế, nhưng Ni trưởng không chịu. Ni trưởng trông hồn nhiên, giản dị và thân thiết, không có một chút đạo mạo nào. Khi nói chuyện, Ni trưởng xưng tên, gọi tôi là hòa thượng, thượng tọa, đại đức, Ni trưởng... đủ cách. Nhưng tôi chỉ thấy thú vị nhất là hai kỷ niệm của Ni trưởng Hường Liên đã kể:

“Hồi đó bà ngoại nói với Tổ là Hường còn nhỏ quá, không đi xuất gia được. Tổ mới bảo là không sao đâu. Vậy nên bà ngoại, mẹ và Hường theo Tổ xuất gia, Tổ đặt pháp danh ba người là Tịnh An, Tịnh Nhơn và Tịnh Nguyệt. Tổ xoa đầu Hường nói: “Con là Tịnh Nguyệt, Nguyệt là trăng, trăng là chuột đen, vậy con là Tý chuột của sư. Con phải ngoan. Con ngoan thì sư sẽ cho con cái bát vàng, cái y vàng. Con mà không ngoan thì sư sẽ bắt con quỳ chỗ tổ kiến lửa.”. Năm đó Hường bảy tuổi.

Hồi về Vĩnh Long, tại tịnh xá Vườn Tre (*Trúc Viên*) các sư cô ở, Hường mang bình trà ra hồ rửa. Lúc đó trong nhà Tổ đang dạy đạo cho các

sư cô. Hường sơ ý bị té xuống nước, hai tay chụp được cái cột, nhưng miệng bị sặc nước, sắp ngất rồi. Tổ đang thuyết pháp mà Tổ biết, Tổ bảo sư cô Thanh: “Cô Thanh kêu ông thiện nam nào ra hồ nước kéo Tý chuột lên, nó té xuống nước sắp chết rồi.”. Cô Thanh đi rồi Tổ lại bảo mọi người ngồi nghe tiếp, không cần ồn ào. Ông đó ra hồ kéo Hường lên, máng hai chân Hường lên vai ông, đầu thông xuống sau lưng ông. Ông chạy mấy vòng, Hường sặc nước, sặc cơm ra, sống lại tới giờ 73 tuổi rồi.”

Khi tôi hỏi:

– Ni trưởng được Tổ đặt tên là Tịnh Nguyệt, vậy khi nào đổi là Hường Liên?

Bà cụ nói:

– Do sư bà Trí đổi tên là Tiểu Hường. Hường là đệ tử sư bà Trí, mỗi năm đều về Ngọc Hiệp cúng giỗ sư bà.

Tôi hỏi:

– Vậy sao lâu nay sư không thấy Ni trưởng Hường về Trung Tâm?

Bà cụ cúi mặt mỉm cười, không nói gì... Khi nói chuyện thì tiện lời hỏi vậy chứ tôi không có ý tìm hiểu chuyện đó, nên lại nói qua chuyện khác. Một lát sau tôi cảm ơn Ni trưởng Hường Liên rồi xin phép đi chụp hình, khi ra phố còn ghé chụp Ngọc Truyền ngoài đó nữa... Ni trưởng cũng cảm ơn tôi rồi đi chân không ra đường gọi xe ôm chở tôi về.

Trưa ngày 15 tháng 11, rời khỏi Ngọc Ninh tôi đi thẳng về Hóc Môn ghé Tịnh xá Ngọc Chung để gặp Ni sư Hạnh Liên. Trước đó tôi đã được biết Tịnh xá Ngọc Chung do trưởng lão Huệ Thế sáng lập và Ni sư Hạnh Liên xuất thân từ đoàn của vị trưởng lão đặc biệt này. Cho nên tôi cần phải gặp Ni sư để biết câu chuyện của người trong cuộc. Sau khi dự tiệc chay có ông Yan vua đầu bếp nấu ở Pháp viện Minh Đăng Quang về, Ni sư Hạnh Liên đã kể cho tôi nghe câu chuyện của mình như sau:

“Năm 1974 con theo sư cô Lý Liên xuống Tịnh xá Hòa Sơn thăm sư ông. Lúc đó sư ông ra đón đoàn, y vàng phát phơ, con thấy như đang ở cảnh nào, không biết mình là ai, tự nhiên bật khóc quá chừng! Cả xe Ka mấy chục chỗ ai cũng nhìn, tưởng con bị bệnh gì, người lại đỡ, người lại hỏi, người an ủi... mà con có bị gì đâu.

Sư ông ra tới, nhìn con sư ông cười, nói với mấy người kia: “Thôi đừng phỏng vấn cô nữa, không có gì đâu. Cô gặp căn cội rồi, khóc đã cổ nín thôi, chứ không ai dỗ cổ nín đâu.”.

Sư ông Huệ Thế đứng kế bên con nói vậy. Con khóc một chập, nhìn lại thấy sư ông rõ ràng, con hết khóc. Trước, con ngủ đã chiêm bao thấy cảnh đó, mà không biết ở đâu. Sau đó sư ông độ con xuất gia.

Lần sư ông về Ngọc Chung, bảo sư cô Lý nhấn ba má con vô, nói có sư ông ở miền Tây về, vô thăm sư ông. Ba má vô Ngọc Chung, sư ông giảng đạo cho nghe, rồi khuyên hai người cho con đi xuất gia. Việc sư ông nói thỉnh linh nên ba má con không cho. Sư ông giải thích, ba má con đồng ý, không cản nữa. Sư ông mới gọi con lên, nhá kéo ba lần, rồi bảo sư cô Lý đi cạo tóc cho con. Cạo xong, vô lại sư ông dạy: “Bây giờ lễ thầy tế độ ba lễ. Kế lễ cha mẹ ba lễ, từ nay về sau không lễ nữa.”. Lúc đó ba má con đều khóc. Rồi sư ông nói: “Bây giờ thầy chứng minh, tế độ cho con, gởi con ở đây theo cô Lý, lâu lâu thầy về thăm.”.

Mỗi lần về Ngọc Chung sư ông đi có một mình. Sư ông dạy đạo, nhắc nhở con này kia... Hạnh của sư ông lạ lắm, cả tuần không ăn, thuyết pháp cả ngày đêm. Có khi sư ông lại ăn, không kể ngọ thời gì hết. Có khi tối rồi sư ông còn bảo đi mua kem cho sư ông ăn. Lúc mới xuống núi, mỗi ngày sư ông đi bát chỉ nhận một đĩa xơ mít chín. Sư ông cũng không tắm, nhưng ngồi quanh sư ông nghe pháp cũng không thấy hôi, mà thỉnh thoảng lại nghe có mùi thơm!¹



Trương lão Huệ Thế, 1912 – 1980, hình còn giữ tại TX. Ngọc Chung – Hóc Môn.
(Các hình thờ ở Ngọc Chung và Ngọc Sơn hiện nay đều đã bị sửa quá nhiều.)

Hồi đó sư ông tu độc giác ở núi Cấm, sau xuống núi hành đạo, thâm nhận đệ tử. Sư ông thường nói đoàn Khất sĩ của sư ông là đoàn Không không. Đoàn của sư ông có mấy tịnh xá như Hòa Sơn ở Thốt Nốt (nay đổi là

¹ Hòa thượng Tuyên Hóa gọi là mùi Giới hương, tức là mùi hương Đức hạnh.

Tịnh xá Ngọc Sơn), Hòa Nhơn ở Vàm Cống, Hòa Chung ở Hóc Môn (nay đổi thành Chùa Hòa Chung), và Tịnh xá Ngọc Chung ở đây, đặc biệt ngay từ đầu đã được đặt tên như vậy, không dùng chữ Hòa. Đệ tử của sư ông bên Tăng có các sư Minh Giác (ở Thốt Nốt, sau gia nhập Giáo đoàn IV làm đệ tử y chỉ của hòa thượng Giác Nhu), Giác Khai (ở Bà Rịa – Vũng Tàu), Giác Hòa (ở Sóc Xoài – Kiên Giang), Giác Phước (ở Rạch Giá, làm Trưởng Ban trị sự Phật giáo tỉnh)... bên Ni có các sư cô Lý Liên, Quang Liên, Kiên Liên, Thành Liên, Hạnh Liên... Sau Giải phóng sư ông bảo chư Tăng đệ tử: “Tôi vô vi thì được, chứ mấy ông thì không được. Mấy ông phải nương giáo hội.”. Rồi sư ông bảo đại đức Huệ Lực dẫn mọi người về với Pháp sư Giác Nhiên, dẫn cả con theo, mà không dẫn các sư cô kia. Khi gia nhập theo Pháp sư, Pháp sư đổi tên đại đức Huệ Lực là Giác Khai, sư Huệ Bảo là Giác Hạnh...



Hình trái: sư Giác Khai (Huệ Lực) đang đi khất thực.

Hình phải: sư Minh Giác, Giác Hòa và sư cuối là ---.

Hình kỷ niệm tại Tịnh thất Liên Hoa – Thốt Nốt, hai hình ép chung một tấm.

Lần cuối, các sư cô Lý, Quang, Kiên, Thành dắt con về thăm sư ông ở Hòa Sơn. Mọi người ở đó hai, ba ngày rồi về. Hồi đó đón xe khó lắm. Ra trước tịnh xá đón hoài chưa có xe, con chợt nhớ quên cái khăn nên xin mấy sư cô vào lấy. Con vô lấy khăn, sư ông đưa con ra đường, nói với con: “Về lần này con ráng tu nghe, sư ông không về Ngọc Chung dòm ngó chỉ dạy nữa. Con ráng tu, sư ông chứng minh cho con thành công đắc quả ngay kiếp này, không đợi chết kiếp sau mới đắc quả.”.

Sư ông cười vui lắm, lại nói: “Nhớ kỹ là ráng tu tinh tấn mới thành công đắc quả. Chớ đừng nghe sư ông nói rồi xách túi về nhà thì không có thành nghe con! Nhớ là Tịnh xá Ngọc Chung sau này con phải có trách nhiệm lưu truyền Chánh pháp, trùng tu lại, ngoài con ra không có ai làm việc đó đâu.”.

Sư ông nói mà cười cười vậy đó, như là không phải nói thiệt. Ai cũng dòm con cười, nghĩ như con còn nhỏ, sư ông nói đùa vậy.

Sư ông lại nói thêm: “Sư không về nữa. Mà sau này ai có giết thầy cũng không được trả thù. Ai giết thầy là đại ân nhân của thầy!”.

Về Ngọc Chung được một tuần, nghe tin có ông say rượu đập đầu sư ông chết. Tăng, Ni và Phật tử về lo đám tang, rồi cắt sư cô Lý ở lại lo cho Hòa Sơn, cắt sư cô Nghĩa với sư cô Quang ở Hòa Chung, mà hai sư cô sợ, biểu con qua ở chung. Nhưng sư cô Lý nói không được, vậy là con ở Ngọc Chung suốt từ khi xuất gia đến nay.”

Trong khoảng nửa tiếng tôi đã đặt nhiều câu hỏi gợi ý cho Ni sư Hạnh Liên nhớ lại kể. Nhưng khi viết ra đây thì tôi sắp xếp cho lời kể được liền mạch, để người đọc dễ theo dõi. Tối hôm đó tìm hiểu xong câu chuyện của Ni sư Hạnh rồi, tôi đề nghị Ni sư cho xem và chụp lại những hình ảnh cũ ngày xưa còn giữ. Xong việc tôi nhờ chú Nguyễn Lý chở về Tịnh xá Trung Tâm, để sớm hôm sau đi Thốt Nốt thăm Hòa Sơn liền.

Sáng hôm sau Nguyễn Lý đến chở tôi ra Bến xe Miền Tây rồi về lo đi báo. Tôi vào bến mua vé xe Văn Lang đi Thốt Nốt. Không có xe 30 chỗ, chỉ có xe 16 chỗ, may sao lại được chiếc xe tốt. Trên xe, có cô kia cự nự tài xế không chịu cho ngồi ghế số 1 cô đã mua, nên tài xế phải cho cô lên, ngồi giữa tài xế và tôi. Đi được nửa đường, không còn khách sáo ý tứ nữa, cô ta phát biểu trong khi nói chuyện với tài xế:

– Nói về chuyện đạo thì đảng này có biết cái con mẹ gì. Hồi ở quê nghe ông bà dạy: “Tu gì cũng không qua hai chữ Trung, Hiếu.”. Mình nghe vậy cứ nhớ vậy thôi, mà bây giờ thấy cũng đúng. Như mấy tay đại gia bị nhà nước bắt bỏ tù đó, họ có trung thật gì đâu...

Tôi cắt lời người đang ngồi kế bên mình:

– Câu đó là của đạo Hiếu Nghĩa rồi. Đây là một đạo cứu thế ra đời ở Nam bộ trong hoàn cảnh kháng chiến chống Pháp, chủ trương kêu gọi tinh thần yêu nước, hô hào phụng sự cho tổ quốc, nên mới dạy như vậy.

Tài xế hỏi:

– Vậy hả, sư?

Tôi nói tiếp:

– Ủ. Nhà Phật có năm lớp giáo lý dạy đệ tử làm người, làm trời, làm Thánh, làm Phật độc giác và làm Bồ-tát, trong đó Nhân thừa dĩ nhiên có dạy trung và hiếu.

Tài xế hỏi:

– Sư, có ma không sư?

Tôi nói:

– Có chứ, có nhiều lắm...

Thôi thì cũng nói vài chuyện cho khỏi ngột ngạt một chuyến đi. 10 giờ sáng ngày 16, xe Văn Lang đưa tôi đến Tịnh xá Ngọc Sơn. May sao Ni sư Cảnh Liên trụ trì tịnh xá có ở đây. Sau khi chụp hình toàn cảnh tịnh xá và tháp thờ trưởng lão Huệ Thế, tôi vào phòng khách trao đổi với Ni sư Cảnh vài chuyện. Ni sư cho biết Hòa Sơn lập năm 1972, đất chật, có nhiều nương nước. Năm 1987 Ni sư cùng năm cô nữa được sư ông Bửu Long (*tức thượng tọa Giác Hải, sáng lập và trụ trì Chùa Phổ Minh ở quận 8, Tp. Hồ Chí Minh, bạn đạo của sư ông Huệ Thế*) thay mặt Tăng đoàn cấp giấy giới thiệu về đây. Lúc đó tịnh xá đã đổi tên là Ngọc Sơn, vẫn chưa có chánh điện bát giác. Bây giờ nhà nước mở đường lớn, bồi thường một tỷ mấy, Ni sư đang chuẩn bị xây dựng lại, chắc phải dời cả cái tháp của trưởng lão Huệ Thế.



Tịnh xá Ngọc Sơn – Thốt Nốt, bên trái là tháp thờ trưởng lão Huệ Thế.

Theo bài tác bạch cúng hỷ kỵ trưởng lão Huệ Thế và bia tháp ghi, tôi được biết trưởng lão Huệ Thế thế danh Nguyễn Văn Gương, sinh năm 1912, trả nghiệp ngày 20 tháng 4 năm Canh Thân 1980, trụ thế 68 tuổi, hạ lạp 38 năm. Sinh tiền ngài là Sư trưởng của một đoàn Khất sĩ tu tịnh ở miền Tây Nam bộ, thường vân du hành đạo ở các vùng sơn đảo Kiên Giang. Lúc hành đạo tại Hòn Tre ngài ở Tịnh xá Phụng Hoàng (*của sư Minh Giác đệ tử ngài lập*). Sau ngài trở về quê là Thốt Nốt lập Tịnh xá Hòa Sơn, lại lên Ô Môn lập Tịnh xá Ngọc Thành (*nay Đoàn VI quản lý*), tùy duyên tiếp Tăng độ chúng, hoằng pháp lợi sanh đền ơn chư Phật...

Khi tôi hỏi về sự kiện trưởng lão Huệ Thế bị đánh chết, Ni sư Cảnh cho biết: Theo lời cô Sáu Đệ (*lúc xuất gia pháp danh là Diệu Huệ*) con út của trưởng lão Huệ Thế kể, thì cuối đời trưởng lão ở đây, có khi mặc bộ đồ lam bình dân như một cư sĩ, mọi người gọi ngài là ông Hai. Có ông kia ở cù lao Chuối đến mời ngài uống rượu, hai người uống rồi nói tranh qua tranh lại, ông lấy cây đập đầu ngài. Lúc đó có người báo cho biết, nhưng cô Sáu Đệ không về thăm liền, y lại đã có mấy anh trai lo cho cha. Hôm sau máu chảy ra lỗ tai, mọi người đưa ngài đến bệnh viện thì mất.

Đối với bậc thành tựu như trưởng lão Huệ Thế thì đây là một sự trả nghiệp, có lẽ ngài mặc đồ cư sĩ cho tiện việc, nhưng chắc rằng tiếng đời chê trách ngài chứ không thông cảm. Người sống ở đời trả vay và vay trả lẫn lộn, không giờ phút rảnh rang nghiệp nợ. Còn người có đạo chủ động tùy duyên tiêu cự nghiệp như huyền, đến như ngài Nhị Tổ Huệ Khả cũng vậy, người đương thời chắc sẽ khó hiểu.

Ngày nay đương nhiệm trụ trì Ngọc Sơn, Ni sư Cảnh Liên luôn ghi nhớ công lao và ơn đức của trưởng lão Huệ Thế. Trong bài văn tác bạch cúng dường niệm trưởng lão Huệ Thế mỗi năm, Ni sư Cảnh Liên đã trân trọng nói lên tấm lòng của mình đối với bậc thầy đã khuất:

Thầy như tàng lộng Bồ-đề
Chở che con trẻ trong mưa nắng đời.
Ơn Thầy lớn tựa biển khơi
Chúng con thờ kính suốt đời nào quên!

(Có cất bớt hai câu.)

Tìm gặp hai Ni sư Hạnh Liên, Cảnh Liên và thu được một số thông tin rồi, một lần xin được số điện thoại, tôi liền gọi điện thoại hỏi hòa thượng Giác Từ về ngài Huệ Thế. Lúc đó hòa thượng đang ở tỉnh Bình Phước, tuy lần đầu tiên nói chuyện với tôi qua điện thoại, không rõ tôi là ai, nhưng hòa thượng đã đáp ngay:

– Mình làm sao biết được ngài! Chỉ khi nào các ngài cho biết thì mình mới biết được.

Ấn tượng sâu đậm nhất của hòa thượng Giác Từ về trưởng lão Huệ Thế là “Làm sao biết được!”. Như vậy, đã có ít nhất ba nhân chứng nói về một nhân vật, với hành trạng, hình ảnh và di tích cụ thể, thôi phần này tạm thông qua.

Sau đó ít lâu, một lần ở Tịnh xá Trung Tâm tôi nói với hòa thượng Giác Ngộ về sự đặc biệt của trưởng lão Huệ Thế, hòa thượng nói: “Làm sao con biết được trưởng lão Huệ Thế!”. Tôi đáp là do Ni sư ở Ngọc Chung kể, ngài lặng thinh.

Ngày 19/12, nhân dịp cúng ở thành phố Tân An, tôi tranh thủ qua Tịnh xá Ngọc Liên ở đường Châu Thị Kim một lát. Hôm đó các thầy trò ở Ngọc Liên đang bận rộn chuẩn bị cho ngày niệm Phật Chủ nhật hôm sau, nhưng do đã có liên lạc trước nên Ni sư Huệ Liên liền mang ra ngay cho tôi mượn bản tiểu sử và tất cả các hình ảnh cũ của Ni trưởng Hà Liên mang về xem.

Ni trưởng Hà Liên thế danh Phan Thị Tây, sinh năm 1929 tại làng Bình Chánh, tỉnh Tân An (đến thời ông Diệm đổi là tỉnh Long An). Ni trưởng là con thứ bảy trong gia đình có chín anh chị em, cha là ông Phan Văn Cải và mẹ là bà Mai Thị Phải.

Năm 1947, cả gia đình chuyển lên vùng Chợ Lớn sinh sống. Vốn có hạt giống xuất trần từ nhiều kiếp nên năm đó cô Phan Thị Tây đã xin cha mẹ cho xuất

gia học đạo. Năm 1948 – 1950, cô Tây có duyên lành được gặp ngài Minh Đăng Quang đang hành đạo ở Phú Lâm – Chợ Lớn.

Năm 1951, đầy đủ duyên lành, Phan Thị Tây được cha mẹ cho đi xuất gia theo giáo hội của đại đức Minh Đăng Quang. Thâu nhận cô Phan Thị Tây, ngài Minh Đăng Quang đặt pháp danh là Hà Liên, đến rằm tháng giêng năm sau cho thọ giới Sa-di Ni và đến rằm tháng 7 năm 1953 cho thọ Đại giới.

Sau khi ngài Minh Đăng Quang vắng bóng, cô Hà Liên theo Ni chúng Khất sĩ sinh hoạt, tu tập. Năm 1963, sư cô Hà Liên về Tịnh xá Ngọc Tâm – Tân An **tu tịnh** với sư cô Minh Liên. Ba năm sau sư cô Hà Liên tách riêng, lập ra Tịnh xá Ngọc Liên ở gần đó, và theo về Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam, trực thuộc giáo đoàn của Pháp sư Giác Nhiên.



Tịnh xá Ngọc Liên – Tân An trước năm 1975

Sư cô Hà Liên thân tướng cao lớn, tánh tình phóng khoáng, tuy mang thân nữ tu nhưng không vì thế mà rì mọ tỉ mỉ, đúng phong cách của người đã giải thoát khỏi “Cửa nhà trời buộc, miếng ăn hành hà”. Và nếu như hầu hết chư Tăng, Ni khất sĩ ngày xưa đều trang nghiêm, kỷ lưỡng thì sư cô lại hay cười, nhìn thẳng tự nhiên.



Ni trưởng Hà Liên, 1929 – 1999.

Một đời tu hành của Ni trưởng Hà Liên chỉ độ một đệ tử xuất gia là Ni sư Huệ Liên. Hơn 15 năm qua Ni sư Huệ Liên đã kế thừa chí nguyện của thầy, gìn giữ và tôn tạo Tịnh xá Ngọc Liên được khang trang, ấm áp đạo vị.



Hai thầy trò sư cô Hà Liên và Huệ Liên cùng Phật tử chụp ảnh kỷ niệm nhân lễ Phật đản tại Tịnh xá Ngọc Liên năm 1978.

Hơn ba năm qua, Ngọc Liên là một đạo tràng chuyên tu niệm A-di-đà Phật cầu vãng sanh Phật quốc. Mỗi Chủ nhật nơi đây lại có hội đồng tu một ngày niệm Phật, khoảng trên dưới 100 Phật tử về tham dự. Còn mỗi ngày có bốn thời niệm Phật, tụng *Kinh Vô Lượng Thọ* vào 4 giờ sáng, 8 giờ, 2 giờ chiều và 6 giờ tối, biến Ngọc Liên thành một hồ sen báu ngát hương giữa cõi đời dữ có năm thứ dơ (ngũ

trước ác thế). Pháp Tịnh độ này không phải là giáo nghĩa Tịnh độ chính trong bộ *Chơn Lý* đã triển khai. Do đức Tổ sư Minh Đăng Quang xuất thế tuyên dương thắng hạnh xuất gia Khất sĩ, nên pháp Tịnh độ được ngài triển khai theo Chơn lý; mấy lần giảng ở Trung Tâm và Ngọc Phú tôi gọi nó là pháp Tịnh độ Khất sĩ. Còn pháp Tịnh độ của Ngọc Liên hiện nay là giáo nghĩa Tịnh độ phổ biến ở Trung Quốc hơn ngàn năm qua, được người Phật tử Việt Nam tiếp nhận và thọ trì từ lâu đời. Pháp tu hành này đã đáp ứng được cho những người sơ cơ tiến tu tịnh nghiệp, nương thuyền Từ của đức Phật A-di-đà vượt qua biển khổ sanh tử luân hồi.



Đạo tràng niệm Phật Ngọc Liên – Tân An

Sự tinh tấn của thầy trò ở Ngọc Liên đã mang lại cho tịnh xá một sinh khí lành mạnh. Cổng chính của tịnh xá vẫn được mở ngay trước chánh điện bát giác truyền thống của nhà Khất Sĩ. Còn cổng phụ được mở bên hông, đi vào một điện Phật thờ tam Thánh Tây phương là đức Phật A-di-đà, đức Bồ-tát Quán Thế Âm và đức Bồ-tát Đại Thế Chí. Đây là nơi thầy trò các sư cô ở Ngọc Liên tu pháp phương tiện, **do nhân tu hữu vi này mà thành tựu được vãng sanh thì mới là diệu.** Trước điện Phật trang trọng treo cao một bảng to màu đỏ có hai hàng chữ vàng nêu rõ việc nên làm khi đến đây:

**BƯỚC ĐẾN CỬA CHÙA XÁ BỎ TRẦN DUYÊN VUI VỚI ĐẠO.
VÀO TRONG ĐIỆN PHẬT CHẤP TAY THẨM NIỆM A-DI-ĐÀ.**

Bên vách có những hàng chữ lớn như ở các đạo tràng niệm Phật khác hiện nay ở Việt Nam: NHÌN THẤU, BUÔNG XẢ, CHÂN THÀNH, THANH TỊNH. Lại có một tấm biển chỉ dẫn rằng: “HÃY XEM HÔM NAY LÀ NGÀY CUỐI CỦA CUỘC ĐỜI!”, trong đó có hình bốn con khi đang dùng tay bịt miệng, bịt tai, bịt mắt và ngồi yên với những ý nghĩa: không nói lỗi người, không nghe lỗi người, không thấy lỗi người và không nghĩ lỗi người.



“A-di-đà Phật, A-di-đà Phật, A-di-đà Phật...”, nhất môn thâm nhập trường kỳ huân tu.

Giữa năm 1999 Ni trưởng Hà Liên lâm bệnh hiểm nghèo. Thế rồi như ngọn đèn hết dầu, Ni trưởng Hà Liên đã xả báo thân vào sáng ngày 16 tháng 6 năm Kỷ Mão 1999 tại Tịnh xá Ngọc Liên. Sự ra đi đó của cố Ni trưởng Hà Liên đã khắc tích 70 năm kiếp người, trong đó dành trọn 48 mùa sen nở cho đạo pháp. Cũng bởi thiện căn phước đức đã huân tập sâu dày nên mới được làm bậc xuất gia, được gặp bậc Tổ sư đại đức dạy bảo, được làm bậc trưởng thượng khai sáng một ngôi tịnh xá đạo tràng. Sau ba ngày tang lễ, nhục thân cố Ni trưởng Hà Liên được nhập tháp trong khuôn viên tịnh xá, để cho hàng đệ tử mãi cảm thấy như thầy vẫn còn nơi đây!



Tháp thờ nhục thân cố Ni trưởng Hà Liên tại phía sau chánh điện Tịnh xá Ngọc Liên.
(Hình thờ cao hơn tượng Bồ-tát Địa Tạng, không nên.)

Đến ngày No-el, lúc rảnh rỗi tôi gọi cho Tịnh xá Ngọc Định. Điện thoại reo mấy tiếng đã có người bắt máy, một giọng nói trong trẻo, rõ ràng và ấm áp của một bà cụ cất lên:

- A-lô.
- Thưa có phải Tịnh xá Ngọc Định không ạ?
- Dạ đúng rồi.
- Xin tịnh xá cho sư gặp Ni trưởng trụ trì được không?
- Dạ con đây. Thưa đại đức cần gặp có điều chi?
- Sư đang viết về cô Ni trưởng Hưng Liên, nên sư muốn xin Ni trưởng cho bản tiểu sử của cô Ni trưởng.
- Thưa sư cứ gọi trò là sư cô thôi. Vậy là sư đang viết lịch sử à?
- A-di-đà Phật. Vậy hôm nào sư đến tịnh xá nghe.
- Mô Phật. Tịnh xá ở đường Ấp Bắc, thành phố Mỹ Tho, trong hẻm kế bên Ủy ban Nhân dân phường 5 đó, đại đức.
- A-di-đà Phật, sư biết đường Ấp Bắc rồi. Thôi thỉnh Ni trưởng nghỉ, vài hôm nữa sư sẽ xuống tịnh xá xin gặp Ni trưởng.
- Mô Phật.



Tịnh xá Ngọc Định – Mỹ Tho

Ngày 28 tôi xuống Mỹ Tho thăm Tịnh xá Ngọc Định. Lúc tôi vào đến tịnh xá trời nắng to, cổng khóa bên trong. Tôi lấy điện thoại gọi, Ni trưởng trụ trì đi chân không ra mở cổng. Mời tôi vào tịnh xá rồi Ni trưởng Nghĩa Liên đi vào bên trong, lát sau mang ra một tấm chiếu lớn. Tôi tranh thủ chụp vài cảnh, nhưng các hình chụp đều không rõ nét viền vì nắng chói quá.

Ni trưởng mời tôi lên chánh điện, trải chiếu và thỉnh tôi ngồi, rồi quỳ xuống đánh lễ. Tôi không từ chối được nên ngồi nghiêm chấp tay đáp lễ. Lễ xong Ni trưởng nhìn tôi nói:

– Lần đầu tiên con biết sư.

Tôi đáp:

– A-di-đà Phật.

Ni trưởng nói tiếp:

– Nhưng con đã nghe nói về sư rồi, hôm qua hòa thượng Huệ Tâm ghé đây, con có hỏi.

Tôi mỉm cười, gật đầu. Sau đó Ni trưởng liền thỉnh tôi độ ngọc. Có một bà Phật tử mang một ly nước dừa lên, lại mang một mâm cơm, còn Ni trưởng đi lấy thêm đĩa rau cau, đĩa xoài và con dao Thái, một chai nước suối, mỗi thứ đi một lần.

Độ ngọc xong, tôi ngồi im lặng. Cảnh tịnh xá thanh vắng, có tiếng chim sẻ riu rít, tiếng hót thanh tho của chim chóp mào và tiếng chim cu đất gáy âm áp. Ngoài cửa chánh điện có nắng to, chỗ tôi ngồi ở giữa tháp thờ đức Phật Thích-ca và bàn thờ đức Tổ sư Minh Đăng Quang. Cảnh tịnh độ là đây! Tôi ngồi đó, cảm nhận không gian như vỡ tan và thời gian như ngừng trôi. Trong cảnh Giới thanh tịnh khế hợp với cảnh Định nhiệm mầu và cảnh Tuệ siêu việt của chư Phật. Vốn là một mà biện biệt thành ba và thành nhiều bậc khi học hỏi, tu tập. Nhưng trong lúc này hình như cái Một còn không có! Đạo lý này *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* gọi là: “Cũng như vốn là Văn Thù thì **đâu cần lý giải** “Tức là Văn Thù” hay “Chẳng phải Văn Thù” nữa”. Đức Phật đã dạy rõ rằng **TẤT CẢ VỐN LÀ MỘT** thì ta còn phân biệt cao hay thấp, khác hay giống, tốt hay xấu, phàm hay Thánh, một hay nhiều... làm chi? Thói đời người người tự sanh sự, nhiều chuyện, lằng xằng, chỉ cần dùng chân là bóng chẳng theo, chỉ cần quay đầu là bờ, thật là đạo lý cao siêu hơn hết! Đây là niềm pháp hỷ đã sinh khởi trong tôi lúc thọ trai bữa đầu tiên ở Ngọc Định, nghĩ cũng lạ.

Trưa hôm đó Ni trưởng Nghĩa Liên không nghỉ trưa mà ngồi kể cho tôi nghe về thầy của mình. Ni trưởng Hưng Liên thế danh Phạm Thị Cảnh, sinh năm 1930 tại thành phố Mỹ Tho (*trong giấy tờ ghi năm sinh là 1926*). Song thân của Ni trưởng là ông Nguyễn Văn Sửu và bà Phạm Thị Vị, làm nghề buôn bán nhỏ tại chợ Mỹ Tho. Ni trưởng là con thứ trong gia đình có sáu anh chị em.²

Từ nhỏ Phạm Thị Cảnh đã thường lui tới chùa chiền, do lòng cảm mến chốn thiền môn. Năm 1947 đại đức Minh Đăng Quang hành đạo đến Mỹ Tho. Sau đó sư Từ Huệ thành lập Tịnh xá Mỹ Đức, Phạm Thị Cảnh thường theo mẹ đến tịnh xá làm công quả và nghe thuyết pháp, được sư Từ Huệ cho quy y Tam Bảo, pháp danh là Hưng Ngọc.

² Không hiểu sao lại lấy họ mẹ, đến khi đi tu cũng chỉ có mẹ đồng ý?

Sau khi đã quy y, cô Hưng Ngọc muốn đi xuất gia như các sư cô khát sĩ, nhưng mẹ cô bảo: “Các sư cô phải ăn ngày một bữa, con có làm được không?”. Nghe mẹ nói, Hưng Ngọc liền tập ăn ngày một bữa. Tuổi đang lớn mà ăn ngày một bữa thật không dễ, nhưng Hưng Ngọc vẫn cố gắng. Thấy con gái quyết tâm làm được một việc khó làm, sau nửa tháng thử thách người mẹ đã đồng ý cho con đi theo chư Phật.

Năm 1950, duyên đạo thâm nhuần, cô Phạm Thị Cảnh phát tâm cắt ái ly gia, sống đời giải thoát, được đại đức Minh Đăng Quang chứng minh thể phát vào ngày 20 tháng 6 âm lịch, thọ ký pháp danh là Hưng Liên. Đến ngày 15 tháng 10 âm lịch năm đó, Hưng Liên được thầy Bồn sư truyền y bát Sa-di Ni tại Tịnh xá Liên Vân – Sa Đéc (nay là Tịnh xá Ngọc Luân). Sau hai năm tinh tấn tu học theo giáo hội, cô Hưng Liên được trao truyền y bát giới Tỳ-kheo Ni vào ngày rằm tháng 7 năm 1953. *(Trong chứng điệp của Tổ cấp cho cổ Ni trưởng Hưng Liên chưa có điền phần thọ Tỳ-kheo Ni ở phía sau như các chứng điệp khác. Mà khi nhập chúng cô Hưng Liên thường đi kể sau cô Châu Liên, nên chư Ni khi viết tiểu sử đã ghi năm thọ Đại giới của cổ Ni trưởng là năm 1953.)*



Hình Ni trưởng Hưng Liên lúc mới xuất gia dán trong chứng điệp Sa-di, hình thời trẻ, và hình thờ chính hiện nay.

Vào buổi đầu lập đạo Khất Sĩ, người biết hộ đạo chưa nhiều, nên Tăng, Ni đi bát ít được cúng dường. Có bữa đói còn cào, sư cô Hưng Liên ra mức ca nước, bịt mũi uống hết ca cho qua cơn đói.

Trong thời gian theo học đạo với đại đức Minh Đăng Quang, sư cô Hưng Liên cũng có nhiều kỷ niệm khó quên về thầy. Có một lần ở Tịnh xá Ngọc Liên – Bạc Liêu, khi sư cô đang độ ngọc thì thầy và chư Tăng về. Lúc bước vào chánh điện đại đức Minh Đăng Quang nói: “Cô Hưng, bung bát xuống.”. Vâng lời thầy, sư cô Hưng đứng lên mang bát xuống mé dưới, bên ngoài chánh điện ngồi. Bấy giờ thầy lại bảo cô: “Cô Hưng, bung bát lên.”. Không dám nhìn, không dám nói gì và càng không dám có ý phiền, sư cô Hưng lại vâng lời thầy mang bát lên chánh điện. Vừa ngồi xong thì thầy lại bảo cô: “Cô Hưng, bung bát xuống.”. Sư cô Hưng theo lời

đứng lên thì đại đức đã bảo ngay: “Thôi cô Hưng ngồi đó đi.”. Hoặc có lần một bà đến than với đại đức Minh Đăng Quang rằng con trai đã bị bắt, khổ quá, đại đức liền bảo: “Không sao đâu, mai con cô sẽ về.”, mà quả thật đúng như vậy...

Sau khi thầy vắng bóng, sư cô Hưng Liên vẫn theo giáo hội sinh hoạt, khi nơi này, khi nơi khác, du phương hành đạo, nếu ở trụ xứ thì ba tháng lại đổi chỗ... Năm 1964, sư cô Hưng Liên về Tịnh xá Ngọc Khánh – Sóc Trăng, lúc ấy do sư cô Khâm Liên trụ trì. Tại đây sư cô độ một đệ tử xuất gia pháp danh là Tịnh Tuyết, và quy y cho cô Ngọc Nghĩa. Năm 1965 sư cô Hưng Liên và đệ tử về Mỹ Tho, nơi đất nhà mẹ ở khóm Tre cát am tranh tịnh tu, đặt tên là am Ngọc Định. Từ đó sư cô gắn bó với giáo đoàn của Pháp sư Giác Nhiên, mỗi khi Tụ tứ và giỗ Tổ thì về Tịnh xá Trung Tâm dự, sau đó qua thăm Ngọc Phương rồi về.

Chưa thọ giới Sa-di thì cô Tịnh Tuyết đã hoàn tục. Qua năm 1966, sư cô Hưng Liên độ các cô Ngọc Nghĩa, Ngọc Ánh xuất gia, pháp danh đổi là Tịnh Nghĩa, Tịnh Ánh (*đến khi thọ giới sẽ đổi chữ Liên*). Đến năm 1969, sư cô mượn đất của ông Lê Ngọc Thanh Quang để cất tịnh xá, tuy nói là mượn chứ chủ đất không lấy đồng nào. Qua năm sau, sư cô bắt đầu cất tịnh xá, đặt tên là Ngọc Định, lấy chữ Định trong tên tỉnh Định Tường. Năm 1973 Tịnh xá Ngọc Định khánh thành, do Tăng đoàn của Pháp sư Giác Nhiên chứng minh.

Từ lúc xuất gia sư cô Hưng Liên đã thường tọa thiền niệm Phật, ngày ba thời vào sáng sớm, chiều và khuya, đến khi về am Ngọc Định lại chuyên tụng *Kinh Pháp Hoa*. Khoảng ba năm cuối đời Ni trưởng Hưng Liên bị bệnh tiểu đường và bệnh tim nên không về Tịnh xá Trung Tâm dự lễ nữa, nhưng hai công phu trên vẫn không bỏ. Chỉ đến tuần cuối cùng Ni trưởng Hưng Liên mới không tụng kinh nữa.

Thân mang bệnh không được mạnh khỏe nhưng Ni trưởng lại lo cho đệ tử, không biết mình đi rồi sư cô Nghĩa Liên ở với ai, đau ốm có ai giúp không?... Lúc đó Ni trưởng gọi sư cô Nghĩa Liên lại ân cần dặn dò: “Nghĩa à, đừng ham danh lợi. Sau này tui qua đời rồi đừng có nhận đệ tử, lo tu đi. Sau cúng dường tịnh xá này lại cho giáo hội chư Tăng, nghe Nghĩa.” Ni trưởng dặn dò đệ tử ba điều như vậy. Vâng lời thầy dạy, đến nay Ni trưởng Nghĩa Liên vẫn không nhận đệ tử và đã cúng dường Tịnh xá Ngọc Định cho Giáo đoàn IV.

Ni trưởng Hưng Liên thân tướng cao lớn lại đoan trang, tánh rất từ bi, hỷ xả và một đời tinh nghiêm giới hạnh, tinh tấn niệm Phật, trì kinh, nên đệ tử và Phật tử rất quý kính. Ni trưởng thường khuyên các Phật tử ăn chay, làm lành, chuyên tâm niệm Phật. Ngày 18 tháng 3 năm Đinh Sửu 1997 Ni trưởng Hưng Liên vẫn sinh hoạt bình thường. Tối hôm đó Ni trưởng đi nghỉ sớm. Đến lúc 8 giờ nghe Ni trưởng thở mạnh trên giường, thấy lạ cô Nghĩa vội xuống giường ở chung phòng bước qua thì phát hiện Ni trưởng đã mất. Lúc đó quý quá, thay vì để cho thầy ra đi thanh thản thì cô Nghĩa lại vội chở thầy đi cấp cứu, nhưng đến bệnh viện bác sĩ khẳng định Ni trưởng Hưng Liên đã viên tịch rồi.

Một đời tinh tấn thanh tu

Nêu gương giải thoát thiên thu rạng ngời.

Dừng chân quán trọ cuộc đời
Dời chân Phật cảnh thành thời vụn nguyên.

(Có thay đổi hai chữ so với trong bản tiểu sử do Ni sư Tuyết Liên soạn.)

Sau lễ hỏa táng tại Tân Lập, linh cốt của cố Ni trưởng Hưng Liên được mang về Tịnh xá Ngọc Định xây tháp bảy tầng tôn thờ. Trong tro cốt có năm hạt xá-lợi được đệ tử để riêng trong một tháp nhỏ, cùng với hủ cốt đặt vào trong tháp thờ cố Ni trưởng.



Tháp thờ linh cốt Ni trưởng Hưng Liên tại khuôn viên Tịnh xá Ngọc Định.

Cũng năm đó Tịnh xá Ngọc Định đã được chính quyền cho làm sổ đỏ, do gia đình chủ đất đã đi đâu mất từ sau Giải phóng. Rồi từ từ tịnh xá đã được Ni trưởng Nghĩa Liên trùng tu lại, xây thêm phòng ốc, nhưng chánh điện vẫn còn như xưa, chỉ thay đổi dàn cửa.

Hôm đó Ni trưởng Nghĩa Liên và cô Châu Ngọc cố giữ khách ở lại chơi lâu hơn nhưng tôi phải về sớm. Trong khi ngồi hỏi thăm thêm vài chuyện, tôi mở máy kiểm tra, thấy hình chụp lại hình cố Ni trưởng Hưng Liên bị dính bóng nắng chói vào mặt kính của khung hình, còn hình tháp thì bị mất nét viền, nên tôi đi chụp lại. May là phát hiện kịp, chứ đi tới đi lui một vòng hơn 260km chỉ để chụp hai tấm hình thì hơi phí công.